

**TÒA ÁN NHÂN DÂN**

**HUYỆN Đ**

**TỈNH BẠC LIÊU**

Bản án số: 68/2021/DS-ST

Ngày 29-6-2021

“V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH BẠC LIÊU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phạm Kiều Diễm

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Minh Hoàng

Ông Nguyễn Văn Tâm

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Mộng Nghi, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Trung Thai - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 89/2021/TLST-DS, ngày 08 tháng 4 năm 2021, về tranh chấp hợp đồng tín dụng. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 84/2021/QĐXXST-DS, ngày 28 tháng 5 năm 2021 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP S.**

Địa chỉ: Số 266-268 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường V, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thanh D, chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Anh Nguyễn Hữu P, sinh năm 1986 (theo văn bản ủy quyền ngày 21/01/2020).

Địa chỉ: Số 2/9A, khóm 6, phường 2, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu. Anh P có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, đơn đề ngày 28/5/2021.

**- Bị đơn: Bà Lê Hồng N**, sinh năm 1977, (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp H, xã A, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện ngày 21/01/2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng TMCP S là Anh

Nguyễn Hữu P (sau đây gọi là Ngân hàng) trình bày: Bà Lê Hồng N đã giao dịch với Ngân hàng các hợp đồng tín dụng cụ thể như sau:

+ **Đối với hợp đồng thứ nhất:** Ngày 15/8/2019, Bà Lê Hồng N có ký với Ngân hàng TMCP S Hợp đồng tín dụng LD1922700810 ngày 15/8/2019. Căn cứ thu nhập của Bà Lê Hồng N, Ngày 15/8/2019, Ngân hàng đã đồng ý giải ngân với hạn mức sử dụng là 50.000.000 đồng, với mục đích tiêu sắm mua vật dụng gia đình, lãi suất 22,8%/năm; thời hạn vay 36 tháng thời hạn trả hết nợ 15/8/2022.

Sau khi giải ngân, Bà Lê Hồng N đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 50.000.000 đồng đã rút một lần.

Trong quá trình vay, từ ngày giải ngân 15/8/2019 đến ngày 05/01/2021, bà N đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền vốn và lãi là: 6.979.000 đồng (trong đó: vốn 4.164.000 đồng, lãi: 2.815.000 đồng), Bà Lê Hồng N vi phạm nghĩa vụ trả nợ, ngày 14/12/2019 Ngân hàng TMCP S – Chi nhánh Bạc Liêu đã chuyển toàn bộ số nợ vay còn thiếu sang nợ quá hạn.

Tính đến ngày 05/01/2021, Bà Lê Hồng N còn nợ số tiền 63.319.954 đồng (trong đó nợ gốc 45.836.000 đồng, lãi trong hạn 11.942.287 đồng và lãi quá hạn 5.541.667 đồng).

+ **Đối với hợp đồng thứ hai:** Ngày 01/11/2018, Bà N có ký với ngân hàng hợp đồng thẻ tín dụng. Căn cứ thu nhập của Bà Lê Hồng N, Ngày 02/11/2018, Ngân hàng đã đồng ý giải ngân với hạn mức sử dụng là 10.000.000 đồng.

Sau khi cấp thẻ tín dụng bà N đã thực hiện giao dịch với tổng số tiền là 13.800.000 đồng.

Trong quá trình kích hoạt thẻ đến ngày 05/01/2021, bà N đã thanh toán cho ngân hàng số tiền 7.945.000 đồng. Bà Lê Hồng N vi phạm nghĩa vụ trả nợ, ngày 14/12/2019 Ngân hàng TMCP S – Chi nhánh Bạc Liêu đã chuyển toàn bộ số nợ vay còn thiếu sang nợ quá hạn và đồng thời ngân hàng chấm dứt quyền sử dụng thẻ.

Tính đến ngày 05/01/2021, Bà Lê Hồng N còn nợ số tiền 15.514.929 đồng (trong đó nợ gốc 11.267.299 đồng, lãi 4.247.630 đồng).

Mặc dù Ngân hàng đã thường xuyên đôn đốc và yêu cầu Bà Lê Hồng N có trách nhiệm thanh toán ngay khoản nợ quá hạn, đồng thời Ngân hàng cũng tạo điều kiện về mặt thời gian để Bà Lê Hồng N trả nợ, tuy nhiên Bà Lê Hồng N vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản đã qui định tại các Hợp đồng cho vay đã ký. Nên Ngân hàng yêu cầu Bà Lê Hồng N trả cho ngân hàng số tiền là 78.834.883 đồng (trong đó nợ gốc 57.103.299 đồng, lãi trong hạn 11.942.287 đồng và lãi quá hạn 9.789.297 đồng) và bà N có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

Đối với bị đơn Bà Lê Hồng N: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cũng như triệu tập bà N tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng bà Ngwang mặt không rõ lý do.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ trình bày quan điểm về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án.

*Về thủ tục tố tụng:* Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án thời điểm này thấy rằng Thẩm phán, thư ký Tòa án chấp hành đúng quy định tại các điều 48, 51 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

*Việc chấp hành pháp luật đương sự:* Từ khi thụ lý vụ án nguyên đơn đã thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo đúng quy định tại các điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Đối với bị đơn thực hiện không đúng quy định tại các điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

*Về nội dung:* Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 26, 35, 39, 228, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các điều 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Tuyên xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S, buộc Bà Lê Hồng N trả cho Ngân hàng số tiền 78.834.883 đồng (trong đó nợ gốc 57.103.299 đồng, lãi trong hạn 11.942.287 đồng và lãi quá hạn 9.789.297 đồng) (tính đến ngày 05/01/2021) và bà N có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 06/01/2021 cho đến khi thanh toán xong nợ theo mức lãi suất được quy định trong hợp đồng. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch bà N phải chịu theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, phát biểu của Kiểm sát viên, sau khi thảo luận, nghị án; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Ngân hàng TMCP S yêu cầu Bà Lê Hồng N trả tiền vay. Căn cứ khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc tranh chấp hợp đồng dân sự.

[1.2]. Nguyên đơn Ngân hàng TMCP S tranh chấp hợp đồng vay tài sản với bị đơn Bà Lê Hồng N, bà N cư trú tại: Ấp H, xã A, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

[1.3]. Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là Anh Nguyễn Hữu P có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt và Bà Lê Hồng N đã được Tòa án triệu tập

hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt lần thứ hai không rõ lý do. Do đó, căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 227 và điểm a, b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật dân sự theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S yêu cầu Bà Lê Hồng N trả nợ gốc 57.103.299 đồng, lãi trong hạn 11.942.287 đồng và lãi quá hạn 9.789.297 đồng (tính đến ngày 05/01/2021), tổng cộng 78.834.883 đồng bao gồm theo hợp đồng tín dụng LD1922700810 ngày 15/8/2019 và hợp đồng thế tín dụng ngày 01/11/2018 cụ thể như sau:

[2.1.1] Đối với hợp đồng tín dụng LD1922700810 ngày 15/8/2019 (ngân hàng phê duyệt ngày 15/8/2019), thể hiện Bà Lê Hồng N vay của ngân hàng số tiền 50.000.000 đồng, thời hạn vay 36 tháng (từ ngày 15/8/2019 đến 15/08/2022), lãi suất 22,8%/năm, số tiền góp 01 kỳ là 1.388.000 đồng (gồm vốn gốc và tiền lãi); hình thức thanh toán: Góp hàng tháng; hình thức bảo đảm nợ vay: Tín chấp không tài sản.

Sau khi vay thì Bà Lê Hồng N đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền vốn và lãi là: 6.979.000 đồng (trong đó: vốn 4.164.000 đồng, lãi: 2.815.000 đồng). Do bà Nvi phạm nghĩa vụ trả nợ, ngày 14/12/2019 Ngân hàng TMCP S đã chuyển toàn bộ số nợ vay còn thiếu sang nợ quá hạn.

Như vậy, tính đến ngày 05/01/2021 bà N còn nợ ngân hàng số tiền 63.319.954 đồng (trong đó nợ gốc 45.836.000 đồng, lãi trong hạn 11.942.287 đồng và lãi quá hạn 5.541.667 đồng).

[2.1.2] Đối với hợp đồng thế tín dụng ngày 01/11/2018 thể hiện căn cứ thu nhập của Bà Lê Hồng N. Ngày 02/11/2018, Ngân hàng đã đồng ý giải ngân với hạn mức sử dụng thế là 10.000.000 đồng.

Sau khi cấp thế tín dụng bà N đã thực hiện giao dịch với tổng số tiền là 13.800.000 đồng. Trong quá trình kích hoạt thế đến ngày 05/01/2021, bà N đã thanh toán cho ngân hàng số tiền 7.945.000 đồng. Bà Lê Hồng N vi phạm nghĩa vụ trả nợ, ngày 14/12/2019 Ngân hàng TMCP S – Chi nhánh Bạc Liêu đã chuyển toàn bộ số nợ còn thiếu sang nợ quá hạn và đồng thời ngân hàng chấm dứt quyền sử dụng thế.

Tính đến ngày 05/01/2021, Bà Lê Hồng N còn nợ số tiền 15.514.929 đồng (trong đó nợ gốc 11.267.299 đồng, lãi 4.247.630 đồng).

[2.1.3] Như vậy, Bà Lê Hồng N còn nợ hai hợp đồng trong đó nợ gốc là 57.103.299 đồng, lãi trong hạn 11.942.287 đồng và lãi quá hạn 9.789.297 đồng (tính đến ngày 05/01/2021), tổng cộng 78.834.883 đồng.

[2.2] Hội đồng xét xử xét thấy: Do Bà Lê Hồng N đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng đã ký. Căn cứ điều 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015, Hội đồng xét

xử có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng về việc yêu Bà Lê Hồng N trả số tiền nợ gốc 57.103.299 đồng, lãi trong hạn 11.942.287 đồng và lãi quá hạn 9.789.297 đồng (tính đến ngày 05/01/2021), tổng cộng 78.834.883 đồng và trả lãi phát sinh tính từ ngày 06/01/2021 cho đến khi thanh toán xong nợ theo hợp đồng tín dụng đã ký.

[3] Xét đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ, phù hợp quy định của pháp luật nên được chấp nhận. Do có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S nên Bà Lê Hồng N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; điểm a, b khoản 2 Điều 227; điểm a, b khoản 1 Điều 238, Điều 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các điều 463, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S đối với Bà Lê Hồng N.

- Buộc Bà Lê Hồng N trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền nợ gốc 57.103.299 đồng, lãi trong hạn 11.942.287 đồng và lãi quá hạn 9.789.297 đồng (tính đến ngày 05/01/2021), tổng cộng 78.834.883 đồng (Bảy mươi tám triệu tám trăm ba mươi tư nghìn tám trăm tám mươi ba đồng).

- Buộc Bà Lê Hồng N trả phải trả cho Ngân hàng TMCP S tiền lãi phát sinh theo các hợp đồng tín dụng LD1922700810 ngày 15/8/2019 và hợp đồng thẻ tín dụng ngày 01/11/2018, từ ngày 06/01/2021 cho đến khi trả xong nợ cho ngân hàng.

2. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Buộc Bà Lê Hồng N phải chịu số tiền 3.941.744 đồng (Ba triệu chín trăm bốn mươi một nghìn bảy trăm bốn mươi bốn đồng), nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

Ngân hàng TMCP S không phải chịu án phí. Ngân hàng TMCP Bưu Điện Liên Việt đã nộp tạm ứng án phí số tiền 1.582.000 (một triệu năm trăm tám mươi hai nghìn) đồng theo biên lai thu số 0001522 ngày 08/4/2021 tại Chi cục thi hành án

dân sự huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu được hoàn lại 1.582.000 (một triệu năm trăm tám mươi hai nghìn) đồng tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

3. Quyền kháng cáo: Ngân hàng TMCP S và Bà Lê Hồng N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

4. Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Lưu hồ sơ;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**(Đã ký)**

**Phạm Kiều Diễm**